

**COMEXIM GIALAI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**



Pleiku, ngày 27 tháng 03 năm 2018

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI**

### **NĂM 2017**

#### **I. THÔNG TIN CHUNG**

##### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI**
- Tên tiếng Anh: **GIALAI TRADING JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **COMEXIM GIA LAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900182111 ngày 30 tháng 12 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến lần thứ 12, lần đăng ký thay đổi gần nhất vào ngày 05 tháng 08 năm 2016).
- Vốn điều lệ: 18.800.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 18.800.000.000 đồng
- Địa chỉ: 56 Lê Lợi, P.Hội Thương, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 059 3 823 154
- Số fax: 059 3 823 666
- Website: [www.comexim.com.vn](http://www.comexim.com.vn)
- Mã cổ phiếu:

##### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Thương mại Gia Lai, là một doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo quyết định số 1504/QĐ-CT, ngày 02/12/2004 của UBND tỉnh Gia Lai. Năm 2004, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thương mại Gia Lai đã tiến hành cổ phần hóa Công ty theo hình thức: “Bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc vốn nhà nước tại doanh nghiệp để chuyển thành Công ty cổ phần”, với số vốn Điều lệ ban đầu của Công ty là 10.700.700.000 đồng.

Ngày 28 tháng 12 năm 2004 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần được tiến hành và Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2005. Công ty cổ phần thương mại Gia lai được thừa hưởng và kế thừa toàn bộ những giá trị, truyền thống và văn hoá của Công ty Thương mại Gia Lai, đây là điều kiện thuận lợi để Công ty tiếp tục phát triển, không ngừng mở rộng qui mô và phạm vi hoạt động của mình, góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của đất nước. Đến nay sau hơn mười năm hoạt động, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên gần 2 lần và vốn chủ sở hữu hơn 3 lần vốn điều lệ.

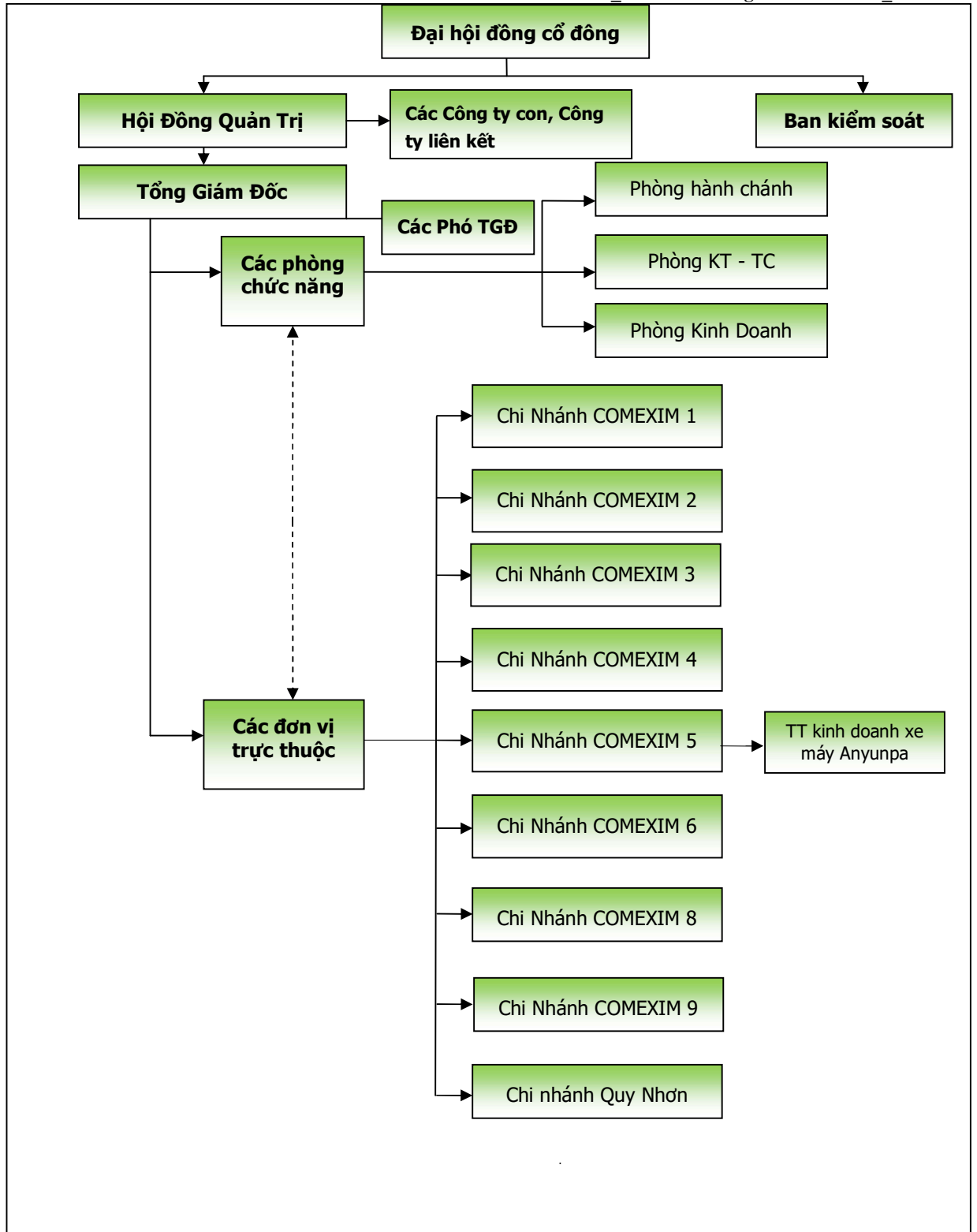
- Các sự kiện khác

### **3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động**

- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh vật tư phân bón phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, xe gắn máy, phụ tùng thay thế và các dịch vụ kèm theo, hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu, rượu bia, thuốc lá điếu, xăng dầu, nhớt máy; Xuất khẩu: hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu, rượu bia, thuốc lá điếu.
- Địa bàn hoạt động kinh doanh: khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, trong đó địa bàn trọng điểm là tỉnh Gia Lai.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



- Các công ty con và công ty liên kết:

✓ Công ty con:

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MTV COMEXIM CHƯ SÊ**  
Địa chỉ: 396 Hùng Vương, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai  
Lĩnh vực kinh doanh chính: thương mại và dịch vụ  
Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000đ  
Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100% vốn điều lệ

✓ Công ty liên kết:

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN GIA LAI**  
Địa chỉ: 21 CMT8, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai  
Lĩnh vực kinh doanh chính: kinh doanh siêu thị (thuộc chuỗi siêu thị CO.OPMART)  
Vốn điều lệ thực góp: 35.000.000.000đ  
Tỷ lệ sở hữu của Công ty CP thương mại Gia Lai: 30% vốn điều lệ

## 5. Định hướng phát triển

Định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2018-2022 thể hiện chủ yếu ở các mục tiêu sau đây:

- Duy trì nền tảng ổn định của Công ty, tăng cường đầu tư công nghệ trong công tác quản lý, điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung khai thác lợi thế quỹ đất ở các vị trí tốt của Công ty để phát triển lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê địa điểm kinh doanh và các dịch vụ khác.
- Cổ tức: phấn đấu chỉ tiêu EPS hàng năm đạt từ 4.000đ/cổ phần trở lên, mức chi trả bình quân hàng năm ít nhất là 15% trên mệnh giá cổ phần và vốn chủ sở hữu hàng năm tăng bình quân 5% trở lên

## 6. Các rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty:

- Rủi ro về giá cả hàng hóa: giá cả hàng hóa tại thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế thường xuyên biến động, vì vậy ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch kinh doanh sát với tình hình thị trường, tính toán lượng hàng hóa lưu kho vừa đủ để cung ứng thị trường, không để tồn kho quá lớn làm ảnh hưởng đến giá cả và chi phí lãi vay.
- Rủi ro về cạnh tranh: cạnh tranh của những hàng hóa cùng chủng loại, cạnh tranh của các doanh nghiệp có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty. Tính cạnh tranh này, trong thị trường hiện nay là không thể tránh khỏi. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay và sắp đến, nền kinh tế nước ta hội nhập sâu rộng với thế giới nên tính cạnh tranh giữa các sản phẩm, hàng hóa cùng loại ngày càng quyết liệt hơn. Vì vậy, việc xây dựng uy tín của mình trên thị trường, chính sách bán hàng hợp lý, quan tâm chăm sóc khách hàng tốt được Công ty chú trọng hơn trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mình.
- Rủi ro về tài chính như: lãi suất vay ngân hàng thường xuyên biến động; Với lượng khách hàng lớn, thị trường kinh doanh rộng thì việc quản lý tiền hàng, công nợ cũng gặp những khó khăn nhất định. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp như: khai thác tốt các nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân

hàng cũng như các đối tượng khác, tăng nhanh vòng quay vốn lưu động, công tác theo dõi và quản lý tiền hàng, công nợ được thực hiện thường xuyên chính xác và đảm bảo tính pháp lý.

Ngoài các rủi ro trên, Công ty có thể bị các rủi ro khác như những thay đổi chính sách thuế của Nhà nước, những thay đổi trong chính sách bán hàng của nhà sản xuất,...Nhưng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, thì tùy từng thời điểm cụ thể Công ty có những biện pháp phù hợp để hạn chế các rủi ro này.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2017
  - ✓ Doanh thu thuần 952.188 tr.đồng
  - ✓ Lợi nhuận trước thuế 9.007 tr.đồng
  - ✓ Lợi nhuận sau thuế 7.596 tr.đồng
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch
  - ✓ Doanh thu thuần(Công ty mẹ và Công ty con): kế hoạch 990.000 tr. đồng, thực hiện: 952.188 tr. đồng, đạt 96,2% so với kế hoạch;
  - ✓ Lợi nhuận sau thuế(Công ty mẹ và Công ty con): kế hoạch 5.600 tr.đồng, thực hiện 5.461 tr.đồng, đạt 97,51% so với kế hoạch.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Ban Tổng giám đốc:
  1. Tổng giám đốc
    - ✓ Họ và tên: Nguyễn Thái Bình
    - ✓ Giới tính: nam
    - ✓ Ngày tháng năm sinh: 20/06/1953
    - ✓ Nơi sinh: An Nhơn, Bình Định
    - ✓ Dân tộc: Kinh
    - ✓ Quốc tịch: Việt Nam
    - ✓ Chỗ ở hiện nay: 26 Lương Thạnh, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
    - ✓ Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế
    - ✓ Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 104.109 chiếm tỷ lệ 5,54%
    - ✓ Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: không
  2. Phó tổng giám đốc
    - ✓ Họ và tên: Lê Đức Duy
    - ✓ Giới tính: nam
    - ✓ Ngày tháng năm sinh: 26/10/1961
    - ✓ Nơi sinh: Mộ Đức, Quảng Ngãi
    - ✓ Dân tộc: Kinh
    - ✓ Quốc tịch: Việt Nam
    - ✓ Chỗ ở hiện nay: 29 Kpăklon, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
    - ✓ Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính
    - ✓ Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 105.181 chiếm tỷ lệ 5,59%

- ✓ Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: không

### 3. Phó tổng giám đốc

- ✓ Họ và tên: Huỳnh Văn Phong
  - ✓ Giới tính: nam
  - ✓ Ngày tháng năm sinh: 16/11/1971
  - ✓ Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
  - ✓ Dân tộc: Kinh
  - ✓ Quốc tịch: Việt Nam
  - ✓ Chỗ ở hiện nay: 245 Tăng Bạt Hổ, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
  - ✓ Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế nông lâm
  - ✓ Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 25.537 chiếm tỷ lệ 1,36%
  - ✓ Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: không
- Kế toán trưởng:
- ✓ Họ và tên: Hồ Lê Thanh Tâm
  - ✓ Giới tính: nam
  - ✓ Ngày tháng năm sinh: 01/09/1972
  - ✓ Nơi sinh: An Nhơn, Bình Định
  - ✓ Dân tộc: Kinh
  - ✓ Quốc tịch: Việt Nam
  - ✓ Chỗ ở hiện nay: 26/17 Sư Vạn Hạnh, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai
  - ✓ Trình độ chuyên môn: cử nhân tài chính
  - ✓ Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 7.635 chiếm tỷ lệ 0,4%
  - ✓ Các chứng khoán khác do Công ty phát hành: không
- Số lượng cán bộ, nhân viên: tại thời điểm 31/12/2017: số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 333, trong đó cán bộ làm công tác quản lý là 15.
- Các chính sách đối với người lao động:
- ✓ Tiền lương phải trả cho người lao động: năm 2017 HĐQT Công ty ban hành Quy chế tiền lương, phụ cấp, hỗ trợ lương và khoản bổ sung khác áp dụng cho tất cả người lao động trong Công ty.
  - ✓ Nộp thay cho người lao động các khoản BHXH, BHYT, BHTN: thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.
  - ✓ Chế độ nghỉ phép, ốm đau, thai sản, hưu trí,... thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
  - ✓ Chế độ phụ cấp độc hại, bảo hộ lao động thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
  - ✓ Các chế độ phúc lợi khác như: hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn,... thực hiện theo Quy chế nội bộ của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Năm 2017, tình hình đầu tư của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà kho, tường rào, sân bê tông và hệ thống PCCC tại lô đất bên cạnh 110 Nguyễn Chí Thanh, Pleiku, Gia Lai: 1.663.748.182 đồng;
- Làm nhà kho bằng khung sắt, vách tôn tại Tổng kho 110 Nguyễn Chí Thanh, Pleiku, Gia Lai: 206.181.818 đồng;

- Mua 02 xe tải mới: 1.157.636.364 đồng;
- Lắp kho đông lạnh tại kho hàng Vinamilk: 133.905.000 đồng.
- Mua sắm máy vi tính, máy photocopy, máy bán hàng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh: 167.675.910 đồng.
- Năm 2017, Công ty không có phát hành thêm cổ phiếu.

**b. Các công ty con, công ty liên kết**

- Công ty con: **CÔNG TY TNHH MTV COMEXIM CHƯ SÊ** (Công ty mẹ chiếm 100% vốn điều lệ).

Tóm tắt tình hình hoạt động và tài chính năm 2017:

*Đvt: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tổng tài sản	18.712.755.849	
2	Doanh thu thuần	142.270.569.652	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.474.068.052	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.175.036.645	

- Công liên kết: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – GIA LAI** (Công ty CP thương mại Gia Lai sở hữu 30% vốn điều lệ).

Trong năm 2017, Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Gia Lai tăng vốn điều lệ từ 12.000.000.000 đồng, lên thành 35.000.000.000 đồng với sự góp vốn của 02 thành viên theo tỷ lệ vốn hiện hữu. Cũng trong năm 2017, Công ty đã thành lập công ty con với 100% vốn góp của mình. Tên công ty con: **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN – CHƯ SÊ**, địa chỉ: 912 Hùng Vương, thị trấn Chư sê, huyện Chư sê, tỉnh Gia Lai.

Tóm tắt tình hình hoạt động và tài chính hợp nhất năm 2017, như sau:

*Đvt: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tổng tài sản	136.045.242.131	
2	Doanh thu thuần	406.296.341.345	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	9.442.510.103	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.116.905.308	

**4. Tình hình tài chính**

**a. Tình hình tài chính(hợp nhất)**

*Đvt: đồng*



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	207.643.724.770	211.408.508.500	(3,2)
2	Doanh thu thuần	952.188.008.363	942.581.747.347	1
5	Lợi nhuận trước thuế	9.007.166.392	10.231.631.696	(11,97)
6	Lợi nhuận sau thuế	7.596.441.085	8.798.789.273	(13,56)
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.041	4.180	(3,33)
8	Tỷ lệ trả cổ tức(% trên mệnh giá CP)	25	25	-

### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
<b>1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)(lần)	1,13	1,15	
- Hệ số thanh toán nhanh ([TSLĐ-Hàng tồn kho]/Nợ ngắn hạn)(lần)	0,42	0,41	
<b>2.Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng tài sản(%)	64,58	66,15	
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu(%)	182,32	195,46	
<b>3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho(giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)(vòng/năm)	9,14	9,00	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản(%)	458,57	445,86	
<b>4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần(%)	0,80	0,93	
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(%)	10,33	12,3	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(%)	3,66	4,16	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu

#### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.880.000
- Số cổ phần phổ thông: 1.880.000
- Số cổ phần ưu đãi: 0
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.880.000
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

#### b. Cơ cấu cổ đông(thời điểm 31/12/2017)

- Tổng số cổ đông: 175
- Số cổ đông lớn(có số cổ phần sở hữu  $\geq$  5% trên tổng số cổ phần): 04
- Số cổ đông là cá nhân: 175
- Số cổ đông là tổ chức: 0
- Số cổ đông trong nước: 175
- Số cổ đông nước ngoài: 0
- Cổ đông Nhà nước: 0

- c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** năm 2017 Công ty không phát hành cổ phiếu.
- d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không
- e. **Các chứng khoán khác:** không

### III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- a. Kết quả kinh doanh năm 2017 so với kế hoạch năm 2017 và thực hiện năm 2016

❖ Công ty mẹ

*Dvt: tr.đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh tăng giảm(%)	
				TH 2017/ KH 2017	TH 2017/ TH 2016
Doanh thu thuần	809.525	820.000	810.199	98,8	100,1
Lợi nhuận trước thuế	5.696		5.398		94,77
Lợi nhuận sau thuế	4.532	4.500	4.286	95,24	94,57
Tỷ suất LNST/DT thuần(%)	0,56		0,53		94,64

❖ Hợp nhất

*Dvt: tr.đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh tăng giảm(%)	
				TH 2017/ KH 2017	TH 2017/ TH 2016
Doanh thu thuần	942.582	990.000	952.188	96,2	101,1
Lãi trong Cty liên kết	3.210		2.135		66,51
Lợi nhuận trước thuế(Cty mẹ + Cty con)	7.022		6.872		97,86
Lợi nhuận sau thuế(Cty mẹ + Cty con)	5.589	5.600	5.461	97,51	97,71
Tổng lợi nhuận sau thuế	8.799		7.596		86,33
Tỷ suất LNST/DT thuần(%)	0,93		0,80		86,02
Thu nhập/cổ phần(EPS)	4.180		4.041		96,67

- b. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016:

Năm 2017 trong điều kiện thị trường nhiều khó khăn, sức mua của thị trường chưa được hồi phục, thì việc tiếp tục chặn được đà suy giảm về doanh số cũng đã ghi nhận sự nỗ lực khá lớn của tập thể lao động trong toàn công ty. Hiệu quả kinh doanh tuy không đạt được kế hoạch đề ra nhưng vẫn ở mức có thể chấp nhận được, đời sống, thu nhập của người lao động vẫn được đảm bảo, ổn định và đã có sự tăng trưởng.

Với mục tiêu đặt ra và kết quả đạt được, có thể nhận thấy trong năm 2017 có những mặt tích cực cũng như những hạn chế như sau:

- Những mặt tích cực:

- ✓ Mặc dù sức mua của thị trường giảm, doanh thu không đạt mục tiêu đề ra nhưng với sự cố gắng của toàn thể người lao động trong công ty nên năm 2017 vẫn giữ được mức doanh thu không bị suy giảm so với năm 2016.
- ✓ Thu nhập bình quân của người lao động cũng đã được cải thiện so với năm 2016.
- ✓ Công ty cũng đã điều chỉnh, kiện toàn lại một số quy chế, chính sách cho phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như tính chất hoạt động thực tế của Doanh nghiệp như: Quy chế tiền lương, Quy chế tổ chức hoạt động của các Chi nhánh, Quy chế tổ chức hoạt động của các phòng chức năng, Quy chế sử dụng xe ô tô.
- ✓ Công ty cũng đã có những giải pháp, quyết định kịp thời để chấn chỉnh, chuyển đổi hoạt động của một số đơn vị, ngành hàng gặp khó khăn và kinh doanh không hiệu quả nhằm mang lại hiệu quả cao hơn như giải thể Chi nhánh Comexim Mart để chuyển mục đích kinh doanh sang cho thuê tài sản.
- ✓ Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng và thay thế số lao động nghỉ việc trong năm đã được công ty thực hiện một cách chủ động.
- Những hạn chế
  - ❖ Khách quan
    - ✓ Tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh khắc nghiệt và diễn biến khó lường, sức mua của thị trường giảm do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế tại địa phương, giá cả các mặt hàng nông sản xuống quá thấp.
    - ✓ Sự nhận định, đánh giá tình hình thị trường của các nhà sản xuất/cung ứng chưa chính xác, dẫn đến việc xây dựng các chính sách bán hàng, xác lập và giao chỉ tiêu kế hoạch cho nhà phân phối không phù hợp với thực tế ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
  - ❖ Chủ quan
    - ✓ Cả hệ thống quản trị thiếu sự đồng bộ, triệt để trong việc phối hợp giữa “quan điểm, mục tiêu, giải pháp” đã đề ra. Quan điểm, mục tiêu, giải pháp đề ra là rõ ràng, cụ thể nhưng trong thực tế thì chúng ta vẫn nặng về tình thế, tình huống, cảm tính, nghĩ sao làm vậy.
    - ✓ Công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc hệ thống còn yếu, còn thiếu và không được thực hiện thường xuyên. Việc xác lập nội dung công việc, tập trung triển khai thực hiện kế hoạch ngay từ những ngày đầu tháng vẫn chưa được thực hiện, tình trạng nhân viên bán hàng chỉ tập trung bán hàng (chạy số) vào những ngày cuối tháng còn diễn ra thường xuyên tại các đơn vị.
    - ✓ Thiếu sự quyết tâm, thiếu sự đồng thuận trong việc triển khai thực hiện công việc ở các bộ phận trong cùng đơn vị, dễ dàng chấp nhận thất bại và thường đổ cho yếu tố khách quan, người quản lý không nhận ra vai trò, trách nhiệm cá nhân đối với công việc tại đơn vị. Khả năng áp đặt, động viên, hướng dẫn trong công việc theo phân cấp quản trị còn hạn chế. Nhân viên bán hàng dễ dàng buông xuôi, bỏ chỉ tiêu nếu cảm thấy chỉ tiêu cao, cuối tháng không đạt, không có sự cố gắng làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của đơn vị.
    - ✓ Giám đốc điều hành các Chi nhánh thiếu sự toan tính cần thiết trong các quyết định thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.
    - ✓ Chính sách tiền lương mới chưa phát huy được tính hiệu quả, chưa kích thích, tạo động lực làm việc cho người lao động nên năng suất lao động chưa cao.

**2. Tình hình tài chính**  
**a. Tình hình tài sản(hợp nhất)**

Bảng kê biến động tài sản năm 2017 so với năm 2016

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng, giảm (%)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>207.643.724.770</b>	<b>211.408.508.500</b>	<b>(1,78)</b>
1. Tài sản ngắn hạn	151.558.613.374	161.132.580.226	(5,9)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	13.819.904.231	11.183.316.313	23,58
- Các khoản phải thu ngắn hạn	40.388.120.491	41.945.823.308	(3,71)
- Hàng tồn kho	95.118.504.147	104.021.081.512	(8,56)
- Tài sản ngắn hạn khác	2.232.084.505	3.982.359.093	(43,95)
2. Tài sản dài hạn	56.085.111.396	50.275.928.274	11,55
- Các khoản phải thu dài hạn	3.143.000.000	3.077.000.000	2,14
- Tài sản cố định	38.196.054.156	37.857.196.260	0,9
- Đầu tư tài chính dài hạn	11.705.455.986	5.997.479.675	95,18
- Tài sản dài hạn khác	3.040.601.254	3.344.252.339	(9,06)

Năm 2017, Công ty góp vốn thêm vào Công ty liên kết từ 3.600.000.000đ lên thành 10.500.000.000đ nên khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng cao so với năm 2016.

**b. Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ phải trả hiện tại: thời điểm 31/12/2017 nợ phải trả của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đ)	Ghi chú
	<b>Tổng số nợ phải trả</b>	<b>134.095.301.150</b>	
1	Phải trả người bán ngắn hạn	30.787.905.592	
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	83.619.000	
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.189.202.661	
4	Phải trả người lao động	2.377.592.584	
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	331.801.958	
6	Phải trả ngắn hạn khác	1.972.868.103	
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	97.927.176.821	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(772.865.569)	
9	Nợ dài hạn	198.000.000	

Nợ phải trả nêu trên đều nằm trong khả năng thanh toán của Công ty (được thể hiện bằng phân tích tài chính năm 2017: khả năng thanh toán hiện tại và khả năng thanh toán nhanh). Trong năm không có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của nợ phải trả xấu và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

#### a. Về hoạt động kinh doanh

Mặc dù công tác điều hành quản lý năm 2017 đã bám sát mục tiêu, quan điểm đề ra, Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý điều hành tại Công ty vị đã nỗ lực để đưa ra những giải pháp, biện pháp ứng phó với tình hình thị trường trên nhiều lĩnh vực nhưng kết quả kinh doanh không đạt được như kỳ vọng và không đạt mục tiêu đã đề ra. Doanh số của Công ty (Công ty mẹ và Công ty con) chỉ đạt 96,2% kế hoạch, tăng 1,1% so với năm 2016, lợi nhuận sau thuế của Công ty (Công ty mẹ và Công ty con) chỉ đạt 97,51% kế hoạch, giảm 2,29% so với năm 2016.

#### b. Các hoạt động khác

Những quyết định trong giai đoạn từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đến trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

##### - Các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ và tiền lương:

- ✓ Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị An giữ chức vụ Giám đốc nhân sự và quyết định mức tiền lương chi trả theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- ✓ Bổ nhiệm ông Huỳnh Quang Tâm giữ chức vụ Giám đốc điều hành Chi nhánh Comexim 9 và quyết định mức tiền lương chi trả theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- ✓ Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Khiêm giữ chức vụ là kiểm soát viên công ty con.
- ✓ Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Khiêm giữ chức vụ Giám đốc nhân sự và quyết định mức tiền lương chi trả theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- ✓ Quyết định mức chi trả tiền lương cho Giám đốc điều hành Chi nhánh Quy Nhơn theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- ✓ Ban hành các Quy chế: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động các phòng chuyên môn, Quy chế hoạt động các Chi nhánh.
- ✓ Ban hành Quy chế tiền lương, phụ cấp, hỗ trợ lương và các khoản bổ sung khác thay thế cho Quy chế tiền lương cũ, áp dụng từ ngày 01/01/2018;
- ✓ Thông qua các báo cáo và các nội dung có liên quan, quyết định chương trình, thời gian để tổ chức Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

##### - Các vấn đề liên quan đến chính sách đầu tư và sử dụng tài sản:

- ✓ Quyết định tham gia góp vốn cùng Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai để đầu tư xây dựng siêu thị Co.op Mart tại Chư Sê và đã sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty để góp vốn với tổng số tiền: 6.900.000.000 đồng;

##### - Các vấn đề liên quan đến công tác chỉ đạo kinh doanh, kiểm tra, giám sát và tái cơ cấu doanh nghiệp:

- ✓ Ủy quyền cho Tổng giám đốc được sử dụng tài sản, hàng hóa của công ty thế chấp ngân hàng để vay vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- ✓ Quyết định chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty CP Thương mại Gia Lai số 7 – Comexim Mart do kinh doanh không có hiệu quả.

##### - Vấn đề phân chia lợi nhuận, cổ tức:

- ✓ Quyết định chi tạm ứng cổ tức năm 2017, mức chi tạm ứng là 25% trên mệnh giá cổ phần;
- ✓ Quyết định phương án phân phối lợi nhuận của công ty con (Comexim Chuse);
- ✓ Thống nhất phương án và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phương án phân phối lợi nhuận có đến 31/12/2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018 của công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai.

## 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty

Trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty, dựa vào kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT và Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức trách, trách nhiệm được cổ đông ủy thác. Về cơ bản HĐQT nhận thấy Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao, đề xuất kịp thời với HĐQT những vấn đề quan trọng của Công ty. Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý đã điều hành Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai, Công ty con Comexim Chuse minh bạch, đúng pháp luật, phù hợp với các quyết định của HĐQT, của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo duy trì được lợi ích của cổ đông, của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, HĐQT xét thấy vẫn còn một số tồn tại chưa được giải quyết triệt để, kịp thời đã ảnh hưởng đến kết quả chung của Công ty. Đó là việc xử lý trách nhiệm của hệ thống quản trị chưa rõ, chưa triệt để, Công ty chưa có một chế tài đủ mạnh để nâng cao được hiệu suất làm việc của hệ thống, một số chỉ tiêu tài chính chưa được kiểm soát chặt chẽ.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Số cổ phần	Tỷ lệ(%)	
1	Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch	104.109	5,54	Kiểm TGD
2	Phạm Kim Hùng	Thường trực	71.616	3,80	
3	Huỳnh Văn Phong	Thường trực	25.537	1,36	Kiểm Phó TGD
4	Hồ Lê Thanh Tâm	Thường trực	7.635	0,4	Kiểm KTT
5	Lê Đức Duy	Thành viên	105.181	5,59	Kiểm Phó TGD
6	Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	140.028	7,45	Độc lập
7	Lê Thanh Tùng	Thành viên	32.943	1,75	Độc lập
8	Trần Thị Hồng Thảo	Thành viên	50.247	2,67	Độc lập

(Công ty không có các chứng khoán khác)

Ngoài chức danh trên, một số thành viên có giữ chức danh ở các Công ty khác:

- Công ty TNHH MTV COMEXIM Chuse (Công ty con):
  - ✓ Lê Đức Duy - Chức danh: Chủ tịch Công ty
- Công ty TNHH thương mại Sài Gòn - Gia Lai (Công ty liên kết):
  - ✓ Nguyễn Thái Bình - Chức danh: Phó chủ tịch HĐQT

## **b. Hoạt động của HĐQT**

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Cụ thể:

- Ngày 03/01/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp: ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ngày 18/02/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp:
  - ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 của Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết.
  - ✓ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty con.
  - ✓ Xem xét thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017.
  - ✓ Xem xét thông qua các nội dung trình tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
  - ✓ Quyết định về công tác nhân sự.
  - ✓ Ngày 20/06/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp: xem xét để tăng vốn điều lệ vào công ty liên kết.
- Ngày 30/06/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp: ủy quyền cho Tổng giám đốc vay vốn ngân hàng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ngày 15/07/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp:
  - ✓ Tổng giám đốc báo cáo về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017.
  - ✓ Xem xét thông qua các quy chế như: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế tài chính, Quy chế hoạt động các phòng chuyên môn, Quy chế hoạt động các Chi nhánh.
  - ✓ Xem xét phương án đầu tư tại 56 Lê Lợi, Pleiku, Gia Lai.
  - ✓ Xem xét điều chỉnh tiền lương cho một số cán bộ quản lý.
- Ngày 05/09/2017, HĐQT tổ chức họp tại Công ty với thành phần tham dự 08/08 thành viên. Nội dung cuộc họp: xem xét giải thể Chi nhánh Comexim 7 do kinh doanh không có hiệu quả; cho chủ trương về sử dụng tài sản tại 114 Hai Bà Trưng và 167 Hùng Vương, Pleiku, Gia Lai.
- Ngày 22/04/2017, HĐQT lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản với nội dung: bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Khiêm là kiểm soát viên công ty con.

## **2. Ban kiểm soát**

### **a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Số cổ phần	Tỷ lệ(%)	
1	Nguyễn Bá Khiêm	Trưởng ban	43.390	2,3	
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	-	-	
3	Trần Quang Tường Vy	Thành viên	113	0,006	

(Công ty không có các chứng khoán khác)

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
  - Kiểm tra báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm, xem xét báo cáo của Công ty kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất.
  - Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng với tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công ty.
  - Xem xét kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý trong việc ban hành các thông báo, văn bản của Công ty.
  - Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo và nội dung công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty theo quy định của luật chứng khoán.
  - Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh trực thuộc.
  - Tiến hành 3 cuộc họp và kiểm tra 4 Chi nhánh trực thuộc.
  - Thẩm định báo cáo của HĐQT, báo cáo thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của năm trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- ❖ Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp:
- ✓ Ngày 27/03/2017 họp tại văn phòng Công ty, có 3/3 thành viên tham dự. Nội dung: bầu trưởng ban kiểm soát.
  - ✓ Ngày 08/04/2017 họp tại văn phòng Công ty, có 3/3 thành viên tham dự. Nội dung: xây dựng chương trình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát
  - ✓ Ngày 15/12/2017 họp tại văn phòng Công ty, có 3/3 thành viên tham dự. Nội dung: đánh giá công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động Chi nhánh Comexim 1, Chi nhánh Comexim 6, Chi nhánh Comexim 8 và Chi nhánh Comexim 9.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.**

**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2017.**

*Đvt:1.000 đồng*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Lợi ích khác	Cộng
<b>I</b>	<b>HĐQT</b>						
1	Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch	-	36.000	-	-	36.000
2	Phạm Kim Hùng	UV TT	-	31.200	-	-	31.200
3	Hồ Lê Thanh Tâm	UV TT	-	31.200	-	-	31.200
4	Huỳnh Văn Phong	UV TT	-	31.200	-	-	31.200
5	Lê Đức Duy	Ủy viên	-	26.400	-	-	26.400
6	Nguyễn Thanh Dương	Ủy viên	-	26.400	-	-	26.400
7	Lê Thanh Tùng	Ủy viên	-	26.400	-	-	26.400
8	Trần Thị Hồng Thảo	Ủy viên	-	26.400	-	-	26.400
<b>II</b>	<b>Tổng giám đốc</b>						
	Nguyễn Thái Bình		254.019	-	3.000	-	257.019
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát(cũ)</b>						



1	Nguyễn Thị An	Trưởng ban	-	33.000	-	-	33.000
2	Trịnh Xuân Vỹ	Thành viên	-	3.000	-	-	3.000
3	Nguyễn Thị Trí	Thành viên	-	3.000	-	-	3.000
<b>IV</b>	<b>Ban kiểm soát (mới)</b>						
1	Nguyễn Bá Khiêm	Trưởng ban	-	13.500	-	-	13.500
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	-	9.000	-	-	9.000
3	Trần Quang Tường Vy	Thành viên	-	9.000	-	-	9.000

### b. Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ

Stt	Tên cổ đông	Số CP tại ngày 01/01/2017	Số mua trong năm	Số bán trong năm	Số CP tại ngày 31/12/2017
<b>I</b>	<b>HĐQT</b>				
1	Nguyễn Thái Bình	104.109	-	-	104.109
2	Phạm Kim Hùng	74.652	-	-	74.652
3	Hồ Lê Thanh Tâm	7.635	-	-	7.635
4	Huỳnh Văn Phong	25.537	-	-	25.537
5	Lê Đức Duy	105.181	-	-	105.181
6	Nguyễn Thanh Dương	140.028	-	-	140.028
7	Lê Thanh Tùng	32.943	-	-	32.943
8	Trần Thị Hồng Thảo	50.247	-	-	50.247
<b>II</b>	<b>Tổng giám đốc</b>				
	Nguyễn Thái Bình	104.109	-	-	104.109
<b>III</b>	<b>Kế toán trưởng</b>				
	Hồ Lê Thanh Tâm	7.635	-	-	7.635
<b>IV</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Bá Khiêm	37.070	6.320	-	43.390
2	Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	-	-	-
3	Trần Quang Tường Vy	113	-	-	113
<b>V</b>	<b>Cổ đông lớn</b>				
1	Hồ Đắc Thị Công Dung	169.875	-	-	169.875
2	Nguyễn Thanh Dương	140.028	-	-	140.028
3	Lê Đức Duy	105.181	-	-	105.181
4	Nguyễn Thái Bình	104.109	-	-	104.109
<b>VI</b>	<b>Thư ký Công ty</b>				
	Nguyễn Thị Bích Ngọc	-	-	-	-

### c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty cổ phần thương mại Gia Lai được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC (Địa chỉ: lô 78-80 đường 30/4, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng). Tại Báo cáo kiểm toán số 619/2018/BCKT-AAC ngày 31/03/2018 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC đã ghi rõ ý kiến kiểm toán như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán

\_Báo cáo thường niên năm 2017\_  
doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Ngày 31/12/2017

Error! Not a valid link.

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(tiếp theo) Ngày 31/12/2017

Error! Not a valid link.

Pleiku, ngày 20/03/2018  
Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Thái Bình**  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
**Hồ Lê Thanh Tâm**  
(Đã ký)

Người lập biểu  
**Đặng Thị Bích Vân**  
(Đã ký)

### BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Error! Not a valid link.

Pleiku, ngày 20/03/2018  
Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Thái Bình**  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
**Hồ Lê Thanh Tâm**  
(Đã ký)

Người lập biểu  
**Đặng Thị Bích Vân**  
(Đã ký)

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

**Error! Not a valid link.**

Pleiku, ngày 20/03/2018  
Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Thái Bình**  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
**Hồ Lê Thanh Tâm**  
(Đã ký)

Người lập biểu  
**Đặng Thị Bích Vân**  
(Đã ký)

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Thương mại Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thương mại Gia Lai theo Quyết định số 1504/QĐ-CT ngày 02/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000048 ngày 30/12/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182111) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/08/2016. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Kinh doanh vật tư, phân bón phục vụ cho sản xuất lâm nghiệp, hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ, ô tô, xe gắn máy, phụ tùng thay thế và các dịch vụ kèm theo, vật tư xây dựng, trang trí nội thất, hàng điện tử viễn thông, máy móc thiết bị văn phòng, điện dân dụng, phụ tùng thay thế và các dịch vụ kèm theo, hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu, rượu, bia, thuốc lá điếu, xăng dầu nhớt máy;
- Nhận làm đại lý hoặc nhà phân phối sản phẩm, nhận làm các dịch vụ nghiên cứu, xây dựng và phát triển thị trường cho các nhà sản xuất;
- Xuất khẩu hàng nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, nhựa phế liệu đã qua sơ chế;
- Nhập khẩu vật tư, phân bón, mù cao su, nhựa phế liệu;

- Kinh doanh vận tải hàng hóa; Hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Xuất khẩu hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu, rượu, bia, thuốc lá điếu;
- Nhập khẩu nông lâm sản các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh cho thuê nhà và văn phòng làm việc.

#### 1.4. Cấu trúc Công ty

**Công ty con được hợp nhất:** Công ty TNHH Comexim Chur Sê

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 396 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai;
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán ô tô, xe máy; Bán buôn, bán lẻ thực phẩm, đồ uống...; Vận tải, bốc xếp và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;...;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH Một thành viên Comexim Chur Sê được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3904000285 ngày 08 tháng 12 năm 2008, đã điều chỉnh theo số mới là 5900491399 ngày 28 tháng 04 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai.

**Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

- Tên Công ty: Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai;
- Địa chỉ trụ sở chính: 21 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 30%.

#### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

##### 4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

###### 4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

###### Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

###### Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

#### **4.1.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

#### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.1.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 – 8

#### **4.5 Tài sản cố định vô hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	5

#### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

##### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **4.9 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

#### ***4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

#### ***4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu***

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

#### ***4.13 Giá vốn hàng bán***

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

#### ***4.14 Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

#### ***4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.



Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### **4.17 Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

###### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Đối với mặt hàng phân bón: Không chịu thuế
  - ✓ Đối với hoạt động xuất khẩu: Áp dụng mức thuế suất 0%.
  - ✓ Đối với mặt hàng đường...: Áp dụng mức thuế suất 5%.
  - ✓ Đối với mặt hàng hóa mỹ phẩm, sữa... và các dịch vụ khác: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### **4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

##### **5. Tiền**

*Đơn vị tính: VND*

**Error! Not a valid link.**

##### **6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Error! Not a valid link.

##### **7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Error! Not a valid link.

##### **8. Phải thu khác**

###### **a. Ngắn hạn**

Error! Not a valid link.

###### **b. Dài hạn**

Error! Not a valid link.

##### **9. Tài sản thiếu chờ xử lý**

COMEXIM GIA LAI

Error! Not a valid link.

## 10. Hàng tồn kho

Error! Not a valid link.

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

## 11. Chi phí trả trước

### a. Ngắn hạn

Error! Not a valid link.

### b. Dài hạn

Error! Not a valid link.

(\*) Là tiền thuê trả trước nhiều năm cho diện tích đất 9.000 m<sup>2</sup> đất tại Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định theo Hợp đồng số 27/1 ngày 26/09/2005. Thời gian thuê theo hợp đồng là 45 năm.

## 12. Tài sản cố định hữu hình

Error! Not a valid link.

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 14.352.267.229 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 3.026.531.844 đồng.

## 13. Tài sản cố định vô hình

Error! Not a valid link.

Quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

Error! Not a valid link.

- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2016 của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 9.967.859.094 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017.

## 14. Đầu tư tài chính dài hạn

Error! Not a valid link.

## 15. Phải trả người bán ngắn hạn

Error! Not a valid link.

## 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Error! Not a valid link.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo

tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Error! Not a valid link.

**18. Phải trả khác**

**a. Phải trả ngắn hạn khác**

Error! Not a valid link.

**b. Phải trả dài hạn khác**

Error! Not a valid link.

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Error! Not a valid link.

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Error! Not a valid link.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Error! Not a valid link.

**c. Cổ phiếu**

Error! Not a valid link.

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Error! Not a valid link.

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 25/03/2017.

**e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 25/03/2017 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt là 25% vốn điều lệ (tương ứng với số tiền 4.700.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức này trong năm 2017.

**21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a. Ngoại tệ**

Error! Not a valid link.

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

Error! Not a valid link.

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Error! Not a valid link.

**23. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Error! Not a valid link.

**24. Giá vốn hàng bán**

Error! Not a valid link.

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

Error! Not a valid link.

**26. Chi phí tài chính**

Error! Not a valid link.

**27. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm**

Error! Not a valid link.

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm**

Error! Not a valid link.

**28. Thu nhập khác**

Error! Not a valid link.

**29. Chi phí khác**

Error! Not a valid link.

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Error! Not a valid link.

**31. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Error! Not a valid link.

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 chưa điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được trích. Số liệu chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có quyết định chính thức về phân phối lợi nhuận năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông.

**32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Error! Not a valid link.

**33. Công cụ tài chính**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

## **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, mua bán hàng tiêu dùng, do đó Ban Tổng Giám đốc cho rằng công ty sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với nhà cung cấp chính, bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

## **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đôn đốc tình hình thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty đã thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng, đồng thời tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

## **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

**Error! Not a valid link.**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng, mặc dù rủi ro thanh khoản đang ở mức cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Error! Not a valid link.

## **34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh thương mại và khu vực địa lý chính là tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

## **35. Thông tin về các bên liên quan**

### **a. Các bên liên quan**

Báo cáo thường niên năm 2017  
Mối quan hệ

Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn-Gia Lai

Công ty liên kết

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn-Gia Lai	Lợi nhuận được chia trong năm	3.327.095.281	2.961.697.460

**36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**37. Số liệu so sánh**

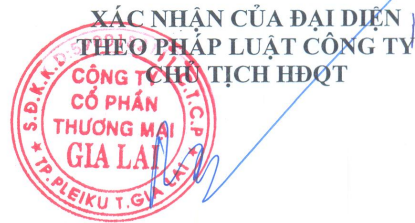
Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.

Pleiku, ngày 20/03/2018  
Tổng Giám đốc  
**Nguyễn Thái Bình**  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
**Hồ Lê Thanh Tâm**  
(Đã ký)

Người lập  
**Đặng Thị Bích Vân**  
(Đã ký)

**Lưu ý:** Các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được đăng tải tại website của Công ty: [www.comexim.com.vn](http://www.comexim.com.vn)



**NGUYỄN THÁI BÌNH**